

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013
(Ngày thi 10/01/2014)

STT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm Tiểu luận	Điểm thi	TB	Kết quả
1	02001	Cao Thanh	Bình	BVTV13	8	5	5,9	Đậu
2	02002	Đặng Thị Thúy	Hà	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
3	02003	Phạm Thị Hồng	Hạnh	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
4	02004	Nguyễn Thị Phương	Hoa	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
5	02005	Phạm Thị	Hoài	BVTV13	8	4	5,2	Đậu
6	02006	Đinh Đức	Huy	BVTV13	8	5	5,9	Đậu
7	02007	Nguyễn Thị	Huyền	BVTV13	8	8	8,0	Đậu
8	02008	Phạm Thị	Liều	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
9	02009	Ngô Hồng	Nguyên	BVTV13	8	5	5,9	Đậu
10	02010	Phạm Thị Mỹ	Nhan	BVTV13	8	6	6,6	Đậu
11	02011	Nguyễn Thị Nhật	Phương	BVTV13	8	5	5,9	Đậu
12	02012	Hồ Lệ	Quyên	BVTV13	8	5	5,9	Đậu
13	02013	Hoàng Thị Thiên	Thanh	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
14	02014	Nguyễn Ngọc Xuân	Thanh	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
15	02015	Hồ Thiên	Thao	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
16	02016	Nguyễn Thị	Thúy	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
17	02017	Võ Thị Bảo	Trang	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
18	02018	Đặng Thanh	Tuấn	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
19	02019	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	BVTV13	8	7	7,3	Đậu
20	01001	Nguyễn Thị Diệu	Ánh	CBLS13	8	7	7,3	Đậu
21	01004	Nguyễn Vũ	Đoàn	CBLS13	8	7	7,3	Đậu
22	01005	Đào Minh	Luân	CBLS13	8	7	7,3	Đậu
23	01006	Hồ	Nam	CBLS13	8	7	7,3	Đậu
24	01007	Đào Thị Kim	Nhung	CBLS13	8	9	8,7	Đậu
25	01010	Phạm Quốc	Việt	CBLS13	8	7	7,3	Đậu
26	04001	Nguyễn Tuấn	Anh	CBVC	8	8	8,0	Đậu
27	04004	Nguyễn Văn	Chánh	CBVC	8	7	7,3	Đậu
28	04005	Lê Mạnh	Cường	CBVC	8	5	5,9	Đậu
29	04013	Nguyễn Ngọc	Hạnh	CBVC	8	8	8,0	Đậu
30	04020	Phan Thị Kim	Khánh	CBVC	8	5	5,9	Đậu
31	04029	Đỗ Ngọc Thanh	Mai	CBVC	8	7	7,3	Đậu
32	04030	Đặng Trung	Nam	CBVC	8	5	5,9	Đậu
33	05002	Trần Bảo	Ngọc	CBVC	8	5	5,9	Đậu
34	05007	Đoàn Hoàng	Phú	CBVC	8	8	8,0	Đậu
35	05010	Nguyễn Lưu Như	Quỳnh	CBVC	8	7	7,3	Đậu
36	04034	Hoàng Thị	Thúy	CBVC	8	5	5,9	Đậu
37	05024	Lê Quang	Trí	CBVC	8	5	5,9	Đậu
38	05026	Trịnh Thị	Trình	CBVC	8	5	5,9	Đậu
39	01011	Đào Vĩnh	Hiển	CK13	8	4	5,2	Đậu
40	01012	Trần Quang	Huy	CK13	8	7	7,3	Đậu
41	01013	Nguyễn Trọng Minh	Khiêm	CK13	8	4	5,2	Đậu
42	01014	Trần Công	Tâm	CK13	8	4	5,2	Đậu
43	01015	Nguyễn Thanh	Tiên	CK13	8	7	7,3	Đậu
44	01016	Lê Thị Ngọc	Ánh	CN13	9	8	8,3	Đậu
45	01017	Mai Thị Tố	Cầm	CN13	9	7	7,6	Đậu

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013**(Ngày thi 10/01/2014)**

46	01018	Nguyễn Phi	Cường	CN13	9	8	8,3	Đậu
47	01019	Phan Thị Tuyết	Giang	CN13	9	7	7,6	Đậu
48	01020	Phạm Minh	Hiếu	CN13	9	6	6,9	Đậu
49	01021	Lê Ngọc	Long	CN13	9	6	6,9	Đậu
50	01022	Nguyễn Hạ	Mai	CN13	9	7	7,6	Đậu
51	01023	Châu Thị Thu	Ngà	CN13	9	7	7,6	Đậu
52	01024	Lê Phương	Thảo	CN13	9	6	6,9	Đậu
53	01025	Nguyễn Công	Thật	CN13	9	4	5,5	Đậu
54	01026	Bùi Đức	Tiến	CN13	9	7	7,6	Đậu
55	01027	Nguyễn Ngọc Thanh	Yên	CN13	9	6	6,9	Đậu
56	01028	Ngô Văn	Bình	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
57	01029	Sỹ Danh	Chung	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
58	01030	Trần Thị Kiều	Diễm	CNSH13	8	4	5,2	Đậu
59	01032	Lê Thị Hải	Hà	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
60	01033	Tổng Thu	Hà	CNSH13	8	8	8,0	Đậu
61	01034	Nguyễn Hoàng	Hải	CNSH13	8	8	8,0	Đậu
62	01036	Lê Thị Mai	Hoa	CNSH13	8	5	5,9	Đậu
63	01037	Đoàn Thị	Hòa	CNSH13	8	4	5,2	Đậu
64	01038	Trương Minh	Hòa	CNSH13	8	4	5,2	Đậu
65	01040	Đinh Thị Thu	Hường	CNSH13	8	4	5,2	Đậu
66	01041	Phan Thị Mỹ	Lan	CNSH13	8	4	5,2	Đậu
67	01042	Võ Thị Ngọc	Linh	CNSH13	8	4	5,2	Đậu
68	01044	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
69	01045	Nguyễn Văn Gấm	Sáu	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
70	01046	Lê Thị Như	Thảo	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
71	01047	Mai Thị	Thủy	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
72	01050	Nguyễn Hữu	Tuyển	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
73	01051	Trương Nguyễn Phương	Vi	CNSH13	8	7	7,3	Đậu
74	01052	Nguyễn Thị Phương	Dung	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
75	01053	Nguyễn Hồng	Duy	CNTP13	8	6	6,6	Đậu
76	01054	Thiều Thị	Hằng	CNTP13	8	8	8,0	Đậu
77	01055	Đỗ Thị Phước	Hạnh	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
78	01056	Huỳnh Thị Bích	Hạnh	CNTP13	8	6	6,6	Đậu
79	01057	Lý Thị Thu	Hoàn	CNTP13	8	7	7,3	Đậu
80	01058	Hà Thị Thanh	Hương	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
81	01060	Lê Vũ Ái	Linh	CNTP13	8	7	7,3	Đậu
82	01062	Trần Đại	Nhật	CNTP13	8	6	6,6	Đậu
83	01063	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	CNTP13	8	6	6,6	Đậu
84	01065	Vương Vĩnh	Phúc	CNTP13	8	7	7,3	Đậu
85	01066	Võ Văn	Tân	CNTP13	8	6	6,6	Đậu
86	01068	Lê Thị Hoàng	Thắm	CNTP13	8	8	8,0	Đậu
87	01069	Nguyễn Thị	Thắm	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
88	01072	Phạm Thị	Thu	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
89	01073	Trần Thị Thanh	Thúy	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
90	01075	Nguyễn Hoài	Trân	CNTP13	8	4	5,2	Đậu
91	01076	Nguyễn Nhật	Trường	CNTP13	8	5	5,9	Đậu

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013**(Ngày thi 10/01/2014)**

92	01078	Phạm Thị Hà	Vân	CNTP13	8	5	5,9	Đậu
93	05034	Nguyễn Thị Như	Liều	DD12-MT12	7,5	5	5,8	Đậu
94	04007	Nguyễn Công	Định	DT-BVTV	8	5	5,9	Đậu
95	04016	Nguyễn Văn	Hòa	DT-BVTV	8	4	5,2	Đậu
96	05023	Phí Thị Thu	Trang	DT-BVTV	8	7	7,3	Đậu
97	05027	Trần Cao Đình	Tuyên	DT-BVTV	8	6	6,6	Đậu
98	04008	Phạm Thanh	Dung	DT-CBLS	8	7	7,3	Đậu
99	05037	Nguyễn Tiến	Hòa	DT-CBLS	8	6	6,6	Đậu
100	04028	Nguyễn Thế	Lực	DT-CBLS	8	4	5,2	Đậu
101	05020	Dương Thị Cẩm	Tiên	DT-CBLS	8	6	6,6	Đậu
102	05005	Nguyễn Văn	Phong	DT-CK	8	7	7,3	Đậu
103	05018	Ngô Khánh	Thu	DT-CK	8	7	7,3	Đậu
104	04006	Nhữ Viết	Cường	DT-CN	9	4	5,5	Đậu
105	05012	Lê Thành	Tài	DT-CN	9	7	7,6	Đậu
106	04010	Trần Đức	Dũng	DT-CNSH	8	6	6,6	Đậu
107	04014	Cao Như	Hiền	DT-CNSH	8	4	5,2	Đậu
108	05017	Lê Văn	Thật	DT-CNSH	8	7	7,3	Đậu
109	04003	Trần Vũ	Bảo	DT-CNTP	8	5	5,9	Đậu
110	04017	Nguyễn Minh	Hùng	DT-CNTP	8	5	5,9	Đậu
111	04022	Đặng Văn	Lâm	DT-CNTP	8	6	6,6	Đậu
112	04024	Nguyễn Bùi Hoàng	Lân	DT-CNTP	8	6	6,6	Đậu
113	04026	Nguyễn Huy	Lộc	DT-CNTP	8	7	7,3	Đậu
114	05001	Nguyễn Thành	Nghĩa	DT-CNTP	8	8	8,0	Đậu
115	05014	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	DT-CNTP	8	7	7,3	Đậu
116	05015	Lê Thị	Thảo	DT-CNTP	8	7	7,3	Đậu
117	05016	Đặng Phương	Thảo	DT-CNTP	8	7	7,3	Đậu
118	05021	Phan Thành	Tiến	DT-KT	8	7	7,3	Đậu
119	05028	Huỳnh Lê	Viên	DT-KT	8	6	6,6	Đậu
120	04019	Trần Quốc	Huy	DT-TS	8	8	8,0	Đậu
121	05022	Lê Trọng	Toàn	DT-TS	8	7	7,3	Đậu
122	04031	Nguyễn Lê Kim	Ngân	DT-TT	8	6	6,6	Đậu
123	05009	Phạm Hoàng	Phương	DT-TT	8	6	6,6	Đậu
124	02100	Phan Thị	Diễm	KTNN12	8	7	7,3	Đậu
125	02101	Lâm Triệu	Ngọc	KTNN12	8	5	5,9	Đậu
126	02020	Nguyễn Thị Bình	An	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
127	02021	Huỳnh Công	Chát	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
128	02024	Nguyễn Việt Hải	Đặng	KTNN13	8	6	6,6	Đậu
129	02025	Bùi Tiến	Đạt	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
130	02026	Phạm Thị	Điệp	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
131	02027	Bùi Việt	Đức	KTNN13	8	6	6,6	Đậu
132	02028	Trần Thị Mỹ	Hạnh	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
133	02029	Nguyễn Thanh	Hiếu	KTNN13	8	4	5,2	Đậu
134	02030	Bùi Minh	Hồng	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
135	02031	Trương Thị Thu	Hương	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
136	02032	Trần Viết	Kha	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
137	02033	Phạm Thị Hồng	Lài	KTNN13	8	4	5,2	Đậu
138	02034	Lương Mai Nhất	Linh	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
139	02035	Trần Thị Yên	Ly	KTNN13	8	4	5,2	Đậu
140	02036	Nguyễn Thị Liên	Minh	KTNN13	8	5	5,9	Đậu

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013**(Ngày thi 10/01/2014)**

141	02038	Phạm Thị Tuyết	Nhung	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
142	02039	Trần Phi	Phong	KTNN13	8	4	5,2	Đậu
143	02041	Phạm Tấn	Phước	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
144	02042	Nguyễn Thị Bích	Phượng	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
145	02043	Nguyễn Thị	Quỳnh	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
146	02044	Trần Thị Tuyết	Sang	KTNN13	8	6	6,6	Đậu
147	02046	Huỳnh Kim	Thạch	KTNN13	8	6	6,6	Đậu
148	02047	Nguyễn Thị Đan	Thanh	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
149	02049	Nguyễn Việt	Thương	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
150	02050	Phạm Thị Thu	Thùy	KTNN13	8	8	8,0	Đậu
151	02051	Dương Huyền	Trang	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
152	02052	Trịnh Thùy	Trang	KTNN13	8	6	6,6	Đậu
153	02053	Bùi Thái	Trường	KTNN13	8	5	5,9	Đậu
154	02054	Nguyễn Anh	Tuấn	KTNN13	8	7	7,3	Đậu
155	02055	Nguyễn Khắc Hoàng	Vinh	KTNN13	8	6	6,6	Đậu
156	02056	Đoàn Văn	Vương	KTNN13	8	4	5,2	Đậu
157	02058	Nguyễn Tuấn	Anh	LHOC13	8	6	6,6	Đậu
158	02059	Phan Minh	Công	LHOC13	8	6	6,6	Đậu
159	02060	Ngô Bắc	Đầu	LHOC13	8	6	6,6	Đậu
160	02061	Phan Thị Mỹ	Hạnh	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
161	02062	Đoàn Tấn	Huy	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
162	02063	Nguyễn Ngọc	Huyền	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
163	02066	Nguyễn Thị Ngọc	Lâm	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
164	02067	Trần Huy	Luân	LHOC13	8	6	6,6	Đậu
165	02068	Trần Thị	Quyết	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
166	02070	Nguyễn Hữu	Sơn	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
167	02071	Nguyễn Minh	Tân	LHOC13	8	8	8,0	Đậu
168	02072	Hoàng Văn	Thanh	LHOC13	8	6	6,6	Đậu
169	02074	Nguyễn Thị Cẩm	Thơ	LHOC13	8	5	5,9	Đậu
170	02075	Nguyễn Sơn	Thụy	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
171	02076	Nguyễn Đại	Tiến	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
172	02077	Cao Thị An	Trinh	LHOC13	8	7	7,3	Đậu
173	02078	Trần Thị Phương	Tú	LHOC13	8	6	6,6	Đậu
174	05035	Trần Thị Mỹ	Ngọc	MT12-BL	7,5	7	7,2	Đậu
175	05031	Nguyễn Thị	Nữ	MT13NT	7,5	8	7,9	Đậu
176	05032	Phạm Thị Thanh	Tâm	MT13NT	7,5	7	7,2	Đậu
177	05033	Nguyễn Phan Ngọc	Tuyền	MT13NT	7,5	6	6,5	Đậu
178	03002	Lê Đình	Chinh	MTR13	8	7	7,3	Đậu
179	03003	Nguyễn Hồng	Đăng	MTR13	8	7	7,3	Đậu
180	03004	Đoàn Võ Hồng	Diễm	MTR13	8	7	7,3	Đậu
181	03005	Ngô Thị Kiều	Diễm	MTR13	8	5	5,9	Đậu
182	03006	Đào Xuân	Đức	MTR13	8	6	6,6	Đậu
183	03007	Nguyễn Thùy	Dung	MTR13	8	4	5,2	Đậu
184	03008	Đinh Phúc	Duy	MTR13	8	8	8,0	Đậu
185	03011	Đặng Đức	Hạnh	MTR13	8	5	5,9	Đậu
186	03012	Lê Thị Ngọc	Hạnh	MTR13	8	6	6,6	Đậu
187	03013	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	MTR13	8	4	5,2	Đậu
188	03014	Trịnh Thị Ngọc	Hiện	MTR13	8	6	6,6	Đậu
189	03015	Đào Sỹ	Hiệp	MTR13	8	4	5,2	Đậu

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013**(Ngày thi 10/01/2014)**

190	03016	Lê Công	Hiệp	MTR13	8	7	7,3	Đậu
191	03017	Nguyễn Trung	Hiếu	MTR13	8	5	5,9	Đậu
192	03018	Võ Thị Thanh	Huyền	MTR13	8	7	7,3	Đậu
193	03019	Võ Mai	Huỳnh	MTR13	8	8	8,0	Đậu
194	03020	Nguyễn Đăng	Khải	MTR13	8	7	7,3	Đậu
195	03021	Nguyễn Nhật Uyên	Khanh	MTR13	8	5	5,9	Đậu
196	03022	Trần Kim	Khánh	MTR13	8	8	8,0	Đậu
197	03023	Lê Thụy Vương	Lan	MTR13	8	7	7,3	Đậu
198	03025	Nguyễn Ngọc	Linh	MTR13	8	6	6,6	Đậu
199	03026	Trần Thị	Lĩnh	MTR13	8	7	7,3	Đậu
200	03027	Trần Trọng	Lực	MTR13	8	5	5,9	Đậu
201	03028	Dương Ngọc	Minh	MTR13	8	6	6,6	Đậu
202	03029	Nguyễn Ngọc Uyên	Minh	MTR13	8	7	7,3	Đậu
203	03030	Văn Ngọc	Minh	MTR13	8	7	7,3	Đậu
204	03031	Nguyễn Thị	Ngoãn	MTR13	8	7	7,3	Đậu
205	03033	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	MTR13	8	4	5,2	Đậu
206	03034	Hồ Hải	Phong	MTR13	8	7	7,3	Đậu
207	03035	Đặng Thị Lê	Phương	MTR13	8	7	7,3	Đậu
208	03036	Lê Thị	Phương	MTR13	7,5	8	7,9	Đậu
209	03037	Trần Đức	Quốc	MTR13	7,5	7	7,2	Đậu
210	03038	Huỳnh Thanh	Sơn	MTR13	7,5	7	7,2	Đậu
211	03039	Võ Thị Hồng	Sương	MTR13	7,5	7	7,2	Đậu
212	03040	Phạm	Tài	MTR13	7,5	7	7,2	Đậu
213	03041	Trương Tường	Tân	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
214	03042	Lê Anh	Tây	MTR13	7,5	7	7,2	Đậu
215	03043	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
216	03044	Lê Văn	Thắng	MTR13	7,5	5	5,8	Đậu
217	03048	Nguyễn Hữu	Thuật	MTR13	7,5	6	6,5	Đậu
218	03049	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	MTR13	7,5	6	6,5	Đậu
219	03050	Nguyễn Thị Thu	Thủy	MTR13	7,5	5	5,8	Đậu
220	03051	Lê Thanh	Trà	MTR13	7,5	7	7,2	Đậu
221	03052	Phạm Nguyễn Thùy	Trang	MTR13	7,5	5	5,8	Đậu
222	03053	Phan Nguyễn Nha	Trang	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
223	03054	Trần Thị Thiên	Trang	MTR13	7,5	6	6,5	Đậu
224	03056	Đỗ Nguyễn Duy	Trung	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
225	03057	Lê Minh	Trung	MTR13	7,5	5	5,8	Đậu
226	03058	Võ Trần Trọng	Tuấn	MTR13	7,5	8	7,9	Đậu
227	03059	Lê Thị Kim	Tuyến	MTR13	7,5	6	6,5	Đậu
228	03061	Nguyễn Tấn	Vàng	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
229	03062	Nguyễn Hoàng	Vũ	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
230	03064	Trịnh Minh	Vũ	MTR13	7,5	6	6,5	Đậu
231	03065	Lê Trần Lê	Xuân	MTR13	7,5	4	5,1	Đậu
232	04032	Nguyễn Thị	Nhuận	TP2012	8	6	6,6	Đậu
233	02081	Văn Đỗ Tuấn	Anh	TS13	8	7	7,3	Đậu
234	02082	Nguyễn Văn	Bảo	TS13	8	4	5,2	Đậu
235	02084	Hồ	Đại	TS13	8	4	5,2	Đậu
236	02085	Trần Anh	Đức	TS13	8	9	8,7	Đậu
237	02086	Nguyễn Thái	Hòa	TS13	8	6	6,6	Đậu
238	02087	Lê Ngọc	Hoan	TS13	8	5	5,9	Đậu

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013
(Ngày thi 10/01/2014)

239	02088	Đào Thị Thanh	Huê	TS13	8	6	6,6	Đậu
240	02090	Hồ Ngọc	Linh	TS13	8	4	5,2	Đậu
241	02091	Nguyễn Thế	Mãi	TS13	8	4	5,2	Đậu
242	03067	Võ Minh	Sang	TS13	8	7	7,3	Đậu
243	03068	Lê Hồng Châu	Sơn	TS13	8	7	7,3	Đậu
244	03069	Bùi Linh	Tâm	TS13	8	6	6,6	Đậu
245	03070	Lê Nguyễn Xuân	Thảo	TS13	8	9	8,7	Đậu
246	03071	Đặng Lê Bảo	Trâm	TS13	8	5	5,9	Đậu
247	03072	Võ Phương	Tùng	TS13	8	6	6,6	Đậu
248	03073	Nguyễn Thị Kim	Vân	TS13	8	5	5,9	Đậu
249	04033	Trương Mỹ	Châu	TT13GL	9	5	6,2	Đậu
250	02102	Nguyễn Xuân	Du	TTR12	8	7	7,3	Đậu
251	01079	Nguyễn Hữu	Anh	TTR13	8	7	7,3	Đậu
252	01080	Nguyễn Thị Thúy	Anh	TTR13	8	4	5,2	Đậu
253	01081	Nguyễn Ngọc	Diễm	TTR13	8	5	5,9	Đậu
254	01082	Lê Hữu Bảo	Dương	TTR13	8	7	7,3	Đậu
255	01083	Huỳnh Bạch Xuân	Giang	TTR13	8	7	7,3	Đậu
256	01085	Nguyễn Thanh	Hải	TTR13	8	6	6,6	Đậu
257	01086	Trần Thị Mỹ	Hạnh	TTR13	8	5	5,9	Đậu
258	01087	Nguyễn Trung	Hiếu	TTR13	8	7	7,3	Đậu
259	01088	Nguyễn Thị	Hoàng	TTR13	8	7	7,3	Đậu
260	01089	Nguyễn Thị	Huệ	TTR13	8	5	5,9	Đậu
261	01090	Lê Thị Thu	Hương	TTR13	8	7	7,3	Đậu
262	01091	Phan	Huy	TTR13	8	7	7,3	Đậu
263	01092	Bùi Thanh	Huyền	TTR13	8	7	7,3	Đậu
264	01093	Phạm Văn	Khánh	TTR13	8	7	7,3	Đậu
265	01094	Tào Dương	Khoa	TTR13	8	7	7,3	Đậu
266	01095	Nguyễn Thị	Kiều	TTR13	8	7	7,3	Đậu
267	01097	Đặng Hữu	Nghĩa	TTR13	8	6	6,6	Đậu
268	01098	Nguyễn Trọng	Nghĩa	TTR13	8	7	7,3	Đậu
269	01099	Trương Minh	Ngọc	TTR13	8	7	7,3	Đậu
270	01100	Đỗ Thị	Nhận	TTR13	8	7	7,3	Đậu
271	01101	Lê Minh	Nhật	TTR13	8	7	7,3	Đậu
272	01102	Lê Thị Cẩm	Nhung	TTR13	8	8	8,0	Đậu
273	01104	Trần Thị Vũ	Phương	TTR13	8	7	7,3	Đậu
274	01105	Trần Minh	Sang	TTR13	8	7	7,3	Đậu
275	01106	Phạm Văn	Tấn	TTR13	8	7	7,3	Đậu
276	01107	Trương Chí	Thành	TTR13	8	6	6,6	Đậu
277	01108	Đặng Thị Phương	Thảo	TTR13	8	7	7,3	Đậu
278	01109	Tôn Thị	Thúy	TTR13	8	7	7,3	Đậu
279	02092	Lê Mạnh	Tín	TTR13	8	7	7,3	Đậu
280	02093	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TTR13	8	8	8,0	Đậu
281	02094	Nguyễn Thị Thu	Trình	TTR13	8	6	6,6	Đậu
282	02097	Trần Thanh	Tuyền	TTR13	8	6	6,6	Đậu
283	02098	Nguyễn Kim Như	Vân	TTR13	8	4	5,2	Đậu
284	05036	Dương Thị Kim	Hồng	TTR13-NT	8	8	8,0	Đậu
285	03074	Lê Việt	Bảo	TY13	8	6	6,6	Đậu

BẢNG ĐIỂM TRIẾT HỌC SAU ĐẠI HỌC - KHÓA 2013
(Ngày thi 10/01/2014)

286	03075	Vũ Thanh	Bình	TY13	8	4	5,2	Đậu
287	03076	Đỗ Cao	Chí	TY13	8	5	5,9	Đậu
288	03077	Hồ Thị Kim	Cúc	TY13	8	5	5,9	Đậu
289	03078	Nguyễn Thị Kim	Cúc	TY13	8	6	6,6	Đậu
290	03079	Dương Duy	Cường	TY13	8	5	5,9	Đậu
291	03081	Bùi Hữu	Dũng	TY13	8	7	7,3	Đậu
292	03082	Mai Thái	Dương	TY13	9	5	6,2	Đậu
293	03083	Nguyễn Thị Kim	Duyên	TY13	8	4	5,2	Đậu
294	03084	Đặng Minh	Hải	TY13	8	6	6,6	Đậu
295	03085	Lê Vĩnh Nguyên	Hân	TY13	8	7	7,3	Đậu
296	03086	Lưu Nguyệt	Hằng	TY13	8	8	8,0	Đậu
297	03087	Lê Thị Mỹ	Hiếu	TY13	9	4	5,5	Đậu
298	03088	Đặng Văn	Hương	TY13	8	6	6,6	Đậu
299	03089	Bùi Quang	Khải	TY13	8	4	5,2	Đậu
300	03091	Nguyễn Thị Hồng	Loan	TY13	8	7	7,3	Đậu
301	03092	Trần Châu	Minh	TY13	9	7	7,6	Đậu
302	03093	Lê Thị	Nga	TY13	9	7	7,6	Đậu
303	03094	Lê Thị Ngọc	Ngà	TY13	8	6	6,6	Đậu
304	03095	Hoàng Thị Kim	Ngân	TY13	8	5	5,9	Đậu
305	03096	Đặng Quỳnh	Như	TY13	8	7	7,3	Đậu
306	03097	Trần Thị Mỹ	Phúc	TY13	8	5	5,9	Đậu
307	03098	Lê Thị Yến	Phương	TY13	8	7	7,3	Đậu
308	03099	Phan Đăng Quế	Phương	TY13	8	7	7,3	Đậu
309	03100	Võ Thanh	Phương	TY13	8	7	7,3	Đậu
310	03101	Nguyễn Phước Xuân	Son	TY13	8	6	6,6	Đậu
311	03103	Nguyễn Thị	Thị	TY13	8	5	5,9	Đậu
312	03104	Nguyễn Hoàng	Thịnh	TY13	8	6	6,6	Đậu
313	03105	Nguyễn Quang	Thông	TY13	8	7	7,3	Đậu
314	03106	Nguyễn Thị Kim	Thúy	TY13	9	4	5,5	Đậu
315	03107	Đoàn Thanh	Thụy	TY13	9	4	5,5	Đậu
316	03108	Phan Thị Kiều	Tiên	TY13	9	6	6,9	Đậu
317	03109	Nguyễn Vạn	Tín	TY13	9	8	8,3	Đậu
318	03110	Trần Thị Thanh	Trà	TY13	9	7	7,6	Đậu
319	03111	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	TY13	9	7	7,6	Đậu
320	03112	Huỳnh Việt Hoài	Trung	TY13	9	6	6,9	Đậu
321	03113	Trần Đức	Trung	TY13	9	9	9,0	Đậu
322	03114	Phan Đình	Trường	TY13	9	7	7,6	Đậu
323	03116	Trần Thị Tuyết	Vân	TY13	9	7	7,6	Đậu
324	03117	Huỳnh Phi	Vũ	TY13	9	6	6,9	Đậu
325	03118	Ngô Đức	Vũ	TY13	9	4	5,5	Đậu
326	03119	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TY13	9	8	8,3	Đậu
327	03120	Nguyễn Thụy Hoàng	Yến	TY13	9	6	6,9	Đậu